PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 224/2012/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc huy động vốn, thành lập, quản lý và giám sát hoạt động quỹ đóng (không bao gồm quỹ đầu tư bất động sản), quỹ thành viên trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

b) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

c) Sở Giao dịch Chứng khoán;

d) Ban đại diện quỹ, thành viên ban đại diện quỹ và các nhà đầu tư của quỹ;

đ) Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được chứng thực theo quy định pháp luật.

2. *Chứng chỉ quỹ* là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ.

3. *Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đóng* (sau đây gọi là đại lý phân phối) là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

4. *Giá trị thanh lý* của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

5. *Hồ sơ cá nhân* bao gồm bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục số 19 kèm theo Thông tư này, bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

6. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định tại Thông tư này và có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

7. *Hợp nhất quỹ* là hình thức hai hoặc một số quỹ đóng hoặc quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ bị hợp nhất) hợp nhất thành một quỹ đóng hoặc quỹ thành viên mới (sau đây gọi là quỹ hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, nợ và các nghĩa vụ sang quỹ hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các quỹ bị hợp nhất.

8. *Ngày định giá* là ngày công ty quản lý quỹ ấn định để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.

9. *Người điều hành quỹ* là người hành nghề quản lý quỹ được công ty quản lý quỹ chỉ định để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của quỹ.

10. *Nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau* là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

11. *Sáp nhập quỹ* là hình thức hai hoặc một số quỹ đóng hoặc quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ bị sáp nhập) sáp nhập vào một quỹ đóng hoặc một quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, nợ và các nghĩa vụ sang quỹ nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của các quỹ bị sáp nhập.

12. *Vốn điều lệ quỹ* là số vốn góp của nhà đầu tư và được ghi trong điều lệ quỹ.

13. *Thành viên độc lập của ban đại diện quỹ* là thành viên không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.

14. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài.

Điều 3. Các quy định chung về quỹ đóng, quỹ thành viên

1. Tên của quỹ phải phù hợp với các quy định pháp luật về doanh nghiệp, viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu, phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Cụm từ "quỹ đầu tư";

b) Tên riêng, phù hợp với mục tiêu, chính sách, cơ cấu tài sản đầu tư của quỹ.

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định cho phép nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu trên 49% vốn điều lệ, quỹ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật về hạn chế sở hữu áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin về các hoạt động của quỹ theo quy định tại Thông tư này được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

a) Trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Trường hợp xét thấy là cần thiết, công ty quản lý quỹ công bố thông tin đồng thời cả trên trang thông tin điện tử của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký, đại lý phân phối;

b) Các phương tiện thông tin đại chúng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với quỹ đóng);

c) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Điều lệ quỹ ban hành lần đầu do công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ được coi là đã thông qua bản điều lệ này. Trường hợp sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ đã ban hành, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định cho phép thực hiện, công ty quản lý quỹ được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung.

6. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, bao hàm đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục số 13 và phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc

được cập nhật định kỳ theo tần suất quy định tại điều lệ quỹ. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt phải được trình bày dễ hiểu, hạn chế sử dụng thuật ngữ chuyên môn, được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu.

7. Tài sản của quỹ thuộc sở hữu của nhà đầu tư tham gia, nắm giữ chứng chỉ quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp, không phải là tài sản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng tài sản của quỹ để thanh toán các nghĩa vụ thanh toán của quỹ, không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ thanh toán của công ty hoặc tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức và trong mọi trường hợp.

Chương II
QUỸ ĐÓNG

Mục 1
CHÀO BÁN, THÀNH LẬP QUỸ ĐÓNG

Điều 4. Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, đăng ký phát hành thêm chứng chỉ quỹ đóng

1. Việc chào bán, phát hành chứng chỉ quỹ đóng ra công chúng bao gồm chào bán lần đầu để huy động vốn lập quỹ và phát hành thêm để tăng vốn.

2. Việc chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng phải được công ty quản lý quỹ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tuân thủ các quy định sau:

a) Quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán;

b) Công ty quản lý quỹ có đầy đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ; không bị đặt trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động hoặc đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

c) Công ty quản lý quỹ không đang trong tình trạng bị xử phạt các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa thực hiện đầy đủ các chế tài và khắc phục hậu quả theo quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ phải được công ty quản lý quỹ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tuân thủ các quy định sau:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 94 Luật Chứng khoán;

b) Có phương án phát hành và sử dụng vốn đã được đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Phương án đã thông qua phải bao gồm các nội dung sau:

- Thông tin về tỷ lệ quyền mua; nguyên tắc và phương thức xác định giá phát hành; mức độ pha loãng chứng chỉ quỹ dự kiến sau khi phát hành; phương thức xác định giá phát hành; tỷ lệ phát hành thành công hoặc số tiền tối thiểu thu được trong đợt phát hành và phương án xử lý trong trường hợp không đạt tỷ lệ phát hành thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để chào bán và phương thức xác định điều kiện chào bán trong trường hợp không phân phối hết số chứng chỉ quỹ dự kiến phát hành thêm;

- Thông tin về phương án sử dụng vốn; mục tiêu, kế hoạch, lộ trình giải ngân (nếu có);

c) Hồ sơ phát hành, thời điểm phát hành, mức giá phát hành cụ thể, tiêu chí xác định và đối tượng chào bán trong trường hợp không phân phối hết số quyền mua chứng chỉ quỹ dự kiến phát hành phải được ban đại diện quỹ thông qua;

d) Chỉ được phát hành cho nhà đầu tư hiện hữu của quỹ thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán cho nhà đầu tư khác.

4. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo mẫu quy định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều lệ quỹ;

c) Bản cáo bạch và bản cáo bạch tóm tắt;

d) Hợp đồng nguyên tắc về hoạt động lưu ký, giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ;

đ) Hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối chứng chỉ quỹ giữa công ty quản lý quỹ và các đại lý phân phối;

e) Danh sách kèm theo hồ sơ cá nhân, bản sao chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ;

g) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

5. Hồ sơ đăng ký phát hành thêm chứng chỉ quỹ bao gồm:

a) Tài liệu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 4 Điều này, trong đó điều lệ quỹ phải có quy định việc tăng vốn của quỹ;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư thông qua việc chào bán thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn cho quỹ, thông qua phương án phát hành và sử dụng vốn; biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ thông qua hồ sơ đăng ký chào bán và các nội dung quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

c) Báo cáo tài chính năm liền trước năm đề nghị phát hành thêm chứng chỉ quỹ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, bảo đảm lợi nhuận của quỹ trong năm đó phải là số dương.

6. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng, phát hành thêm chứng chỉ quỹ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

7. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm và bảo đảm các thông tin trong hồ sơ chính xác, trung thực, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến việc quyết định của nhà đầu tư. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác, phát sinh thông tin quan trọng, hoặc bỏ sót thông tin theo quy định phải có trong hồ sơ, hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký chào bán hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Trường hợp phát hành thêm chứng chỉ quỹ đóng, việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ và các thông tin phát sinh phải được công ty quản lý quỹ công bố theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

8. Trong thời gian Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ, công ty quản lý quỹ và người có liên quan chỉ được sử dụng một cách trung thực và chính xác các thông tin trong bản cáo bạch đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thăm dò thị trường, trong đó phải nêu rõ mọi thông tin chỉ là dự kiến. Việc cung cấp thông tin này không được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng, giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm chứng chỉ quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm chứng chỉ quỹ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho công ty quản lý quỹ là văn bản xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành thêm chứng chỉ quỹ đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chào bán, phân phối chứng chỉ quỹ đóng

1. Việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo

quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này và đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Bản thông báo chào bán phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có) phải phân phối chứng chỉ quỹ một cách công bằng, công khai, bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày; thời hạn này phải được ghi trong bản thông báo chào bán.

Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua vượt quá số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán, công ty quản lý quỹ phải phân phối hết số chứng chỉ quỹ được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

4. Toàn bộ vốn góp của nhà đầu tư phải được phong tỏa tại một tài khoản riêng mở tại ngân hàng giám sát và chỉ được giải tỏa sau ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho quỹ với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn đang áp dụng cho thời gian phong tỏa vốn.

5. Công ty quản lý quỹ phải hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, công ty quản lý quỹ có văn bản đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ, nhưng tối đa không quá ba mươi (30) ngày. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán hoặc giấy chứng nhận đăng ký chào bán hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này về việc quỹ không đáp ứng điều kiện thành lập khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

a) Có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; hoặc

b) Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam hoặc thấp hơn giá trị vốn tối thiểu dự kiến huy động theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có).

7. Trong trường hợp không đáp ứng điều kiện thành lập quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán hoặc giấy chứng nhận đăng ký chào bán hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ

phải hoàn trả cho nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, kể cả lãi suất phát sinh (nếu có), đồng thời chịu mọi chi phí phát sinh từ việc huy động vốn.

8. Việc đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23 Luật Chứng khoán.

9. Trường hợp phát hành thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn, trình tự, thủ tục thông báo phát hành, phân phối quyền mua thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này và các quy định khác có liên quan của pháp luật về chứng khoán áp dụng cho tổ chức niêm yết và của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 6. Đăng ký thành lập quỹ đóng, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng

1. Trong thời hạn mười (10) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán hoặc giấy chứng nhận đăng ký chào bán hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ đăng ký thành lập quỹ gồm:

a) Giấy đăng ký thành lập quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả đợt chào bán theo mẫu quy định tại phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng giám sát về số vốn huy động được trong đợt chào bán và số lượng nhà đầu tư thanh toán cho đợt chào bán.

2. Trường hợp phát hành thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn, trong thời hạn năm (05) ngày sau khi kết thúc đợt phát hành, công ty quản lý quỹ phải đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đăng ký thành lập quỹ, hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.

3. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký chứng khoán.

4. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

a) Biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu và nghị quyết đại hội nhà đầu tư về ban đại diện quỹ, thành viên ban đại diện quỹ;

b) Danh sách và hồ sơ cá nhân của các thành viên ban đại diện quỹ.

Điều 8. Niêm yết chứng chỉ quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ được coi là đã thông qua việc niêm yết chứng chỉ quỹ. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, việc niêm yết chứng chỉ quỹ, niêm yết bổ sung chứng chỉ quỹ mới phát hành thêm không cần lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Điều 9. Danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ đóng

1. Danh mục đầu tư của quỹ đóng phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch.

2. Quỹ đóng được phép đầu tư vào các loại tài sản sau đây tại Việt Nam:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;

c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;

đ) Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;

e) Các chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.

4. Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với các quy định tại điều lệ quỹ và phải bảo đảm:

a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;

d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;

đ) Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);

e) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

g) Trường hợp quỹ đăng ký là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, trong hoạt động đầu tư, quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

5. Công ty quản lý quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

6. Trừ trường hợp quy định tại điểm đ, e, g khoản 4 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 4 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;

c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;

đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.

7. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều này.

8. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

9. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của ngân hàng giám sát.

10. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác thực hiện giao dịch hoặc đối tác không được phép thực hiện giao dịch (nếu có), loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 10. Giá trị tài sản ròng

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ định kỳ tối thiểu một lần trong một tuần, trong đó:

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này và quy định nội bộ tại sổ tay định giá;

b) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các nguyên tắc này cũng phải được quy định rõ tại điều lệ quỹ;

b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và được đại hội nhà đầu tư phê chuẩn. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

3. Sổ tay định giá phải được ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để xác nhận việc tính toán giá trị tài sản ròng. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, cũng phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.

4. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.

5. Tại ngày làm việc tiếp theo, sau khi ngân hàng giám sát xác nhận, thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

6. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

7. Trường hợp bị định giá sai, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện ra sự việc, ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát kịp thời điều chỉnh.

8. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

Điều 11. Phân chia lợi tức của quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

b) Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

d) Mức chi trả lợi tức do đại hội nhà đầu tư hoặc ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ;

đ) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Mục 3
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ, BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư tham gia vào quỹ

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

b) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

c) Quyền được tiếp nhận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ quỹ có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội

đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ;

d) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 13. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;

b) Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành hoặc một tỷ lệ khác theo quy định tại điều lệ quỹ; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

5. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư như quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo triệu tập cuộc họp đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự đại hội nhà đầu tư;

b) Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;

c) Lập và thông qua biên bản đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của đại hội nhà đầu tư.

2. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường

hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

5. Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 13 Thông tư này, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại điều lệ quỹ, phù hợp với các nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp đại hội nhà đầu tư.

6. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

8. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 15. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho nhà đầu tư, có từ ba (03) tới mười một (11) thành viên, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên ban đại diện quỹ. Thông tin phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.

2. Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ:

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;

c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;

g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

i) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên ban đại diện quỹ:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Là người đại diện phần vốn góp của nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại điều lệ quỹ (nếu có).

5. Trong ban đại diện quỹ phải có:

a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

6. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.

7. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày thay đổi thành viên ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và gửi danh sách ban đại diện quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo hồ sơ cá nhân các thành viên mới của ban đại diện.

8. Trường hợp cơ cấu ban đại diện quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, hoặc có thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên tạm thời thay thế đáp ứng quy định có liên quan. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về việc lựa chọn thành viên tạm thời thay thế của ban đại diện quỹ theo

quy định của pháp luật chứng khoán về việc thay đổi thành viên ban đại diện quỹ. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ cho tới khi đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

9. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ được quy định tại điều lệ quỹ và tối thiểu phải bao gồm các nhiệm vụ sau:

a) Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;

b) Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này; chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm b khoản 10 Điều 9 Thông tư này; phê duyệt hồ sơ phát hành thêm chứng chỉ quỹ và các nội dung có liên quan theo thẩm quyền được giao;

c) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;

d) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại điều lệ quỹ.

10. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều lệ quỹ. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

11. Thành viên ban đại diện quỹ có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

a) Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại điều lệ quỹ;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ;

c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

12. Trong trường hợp điều lệ quỹ không có quy định, thù lao và lợi ích khác của thành viên ban đại diện quỹ được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên ban đại diện quỹ được trả thù lao theo công việc, thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác căn cứ vào số ngày làm việc, tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày theo quy định tại điều lệ quỹ và quyết định của đại hội nhà đầu tư. Thù lao và chi phí mà quỹ đã thanh toán cho từng thành viên ban đại diện quỹ được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập không thường xuyên của thành viên ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Tổng mức thù lao và chi phí thanh toán cho ban đại diện quỹ trong năm không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của ban đại diện quỹ đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Các khoản này được tính vào chi phí hoạt động quản lý của quỹ và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.

13. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hỗ trợ về nhân sự, thiết bị kỹ thuật, soạn thảo tài liệu trong các cuộc họp ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu sáu (06) tháng một lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên theo thời hạn quy định của pháp luật về doanh nghiệp, điều lệ quỹ. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp, hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

14. Cuộc họp ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

15. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ.

Mục 4
TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 16. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

1. Quỹ đóng được hợp nhất, sáp nhập với một quỹ đóng khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư. Tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:

a) Phương án hợp nhất, sáp nhập kèm theo báo cáo phân tích việc hợp nhất, sáp nhập với các nội dung quy định tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập với nội dung quy định tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;

d) Dự thảo điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt của quỹ hợp nhất; dự thảo điều lệ quỹ nhận sáp nhập, bản cáo bạch và bản cáo bạch tóm tắt của quỹ nhận sáp nhập.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu quỹ thanh toán các khoản phải trả bằng văn bản. Nếu yêu cầu bằng văn bản không được gửi về công ty quản lý quỹ trong thời hạn nêu trên, thì chủ nợ coi như không yêu cầu quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập thanh toán trước khi hợp nhất, sáp nhập. Nghĩa vụ thanh toán sẽ do quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.

3. Trường hợp các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập đều quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ, thì mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập quỹ, không được hạch toán vào chi phí của quỹ, trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư có quyết định khác.

4. Công ty quản lý quỹ, ban đại diện quỹ có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho nhà đầu tư;

b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thanh toán các khoản nợ của quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày hợp nhất, sáp nhập.

Điều 17. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập quỹ

1. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng tham gia hợp nhất, sáp nhập thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho quỹ hợp nhất hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho quỹ nhận sáp nhập. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; kèm theo

bản gốc của các giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Phương án hợp nhất, sáp nhập và hợp đồng hợp nhất, sáp nhập đã được các đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ lộ trình thực hiện;

c) Báo cáo đánh giá của các ngân hàng giám sát về các nội dung tại phương án hợp nhất, sáp nhập và hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, có liên quan tới nguyên tắc xác định công nợ, tài sản và giá trị tài sản ròng tại ngày hợp nhất, sáp nhập; nguyên tắc chuyển đổi và xác định tỷ lệ chuyển đổi; phương án và nguyên tắc chuyển giao tài sản giữa các quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến lưu hành của quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập;

d) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập;

đ) Danh sách các chủ nợ yêu cầu thanh toán các khoản phải trả, giá trị phải thanh toán của từng chủ nợ;

e) Các tài liệu khác có liên quan gửi cho nhà đầu tư;

g) Công văn của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận về mặt nguyên tắc việc hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

h) Trong trường hợp hợp nhất quỹ, tài liệu bổ sung bao gồm điều lệ quỹ hợp nhất, bản cáo bạch quỹ hợp nhất, hợp đồng nguyên tắc về giám sát ký với ngân hàng giám sát đã được các đại hội nhà đầu tư của các quỹ bị hợp nhất thông qua.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho quỹ hợp nhất hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho quỹ nhận sáp nhập được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực. Kể từ thời điểm này:

a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Nhà đầu tư của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

c) Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được hủy tại ngày hợp nhất, sáp nhập.

5. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

a) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

b) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).

6. Kể từ ngày hợp nhất, ngày sáp nhập, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác cùng các tài liệu khác có liên quan tới quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

c) Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu các tài sản tiếp nhận từ các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;

d) Đại diện cho quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hợp nhất, ngày sáp nhập, ngân hàng giám sát thẩm định tính chính xác và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả hợp nhất, sáp nhập theo mẫu quy định tại phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Gia hạn thời gian hoạt động của quỹ

1. Việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ tuân thủ các quy định sau:

a) Việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ đã được đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua;

b) Giá trị tài sản ròng của quỹ tại kỳ định giá gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ gia hạn không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

2. Trong thời hạn ít nhất ba mươi (30) ngày, trước khi quỹ kết thúc thời hạn hoạt động, công ty quản lý quỹ phải làm thủ tục gia hạn. Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian hoạt động của quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư của quỹ về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ, trong đó nêu rõ thời gian gia hạn hoạt động của quỹ;

c) Hợp đồng ký với ngân hàng giám sát về việc gia hạn thời gian cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát cho quỹ;

d) Chi tiết danh mục đầu tư và báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ (có xác nhận của ngân hàng giám sát) tại ngày định giá gần nhất tính tới ngày nộp hồ sơ gia hạn.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian hoạt động của quỹ được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của ngân hàng giám sát bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;

d) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ, hoặc đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ quỹ.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quỹ giải thể theo quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này, hoặc ba (03) tháng trước ngày tiến hành giải thể quỹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) triệu tập đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho nhà đầu tư theo phương án đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ.

5. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;

b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ;

c) Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ;

đ) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm:

a) Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

7. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua.

Trường hợp có tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này, việc bán các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch còn phải được sự chấp thuận bằng văn bản của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 9 Thông tư này.

8. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát được chuyển giao danh mục cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải bao hàm đầy đủ các loại tài sản có trong danh mục của quỹ, cơ cấu từng tài sản giống như danh mục của quỹ theo phương án thanh lý và phân phối tài sản;

b) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.Việc thanh toán chỉ được coi là hoàn tất sau khi đã đăng ký sở hữu cho nhà đầu tư.

9. Tiền thu được từ thanh lý tài sản quỹ và các tài sản còn lại được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

b) Các khoản phải trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư (đối với chứng khoán chưa đăng ký lưu ký, phần vốn góp) thực hiện việc phân bổ và đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ (nếu có) và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 20. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ (nếu có) và ngân hàng giám sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không có ý kiến, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này. Đồng thời, công ty quản lý quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng không quá hai (02) năm, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về mức thanh toán trên một chứng chỉ quỹ, chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu không có công ty quản lý quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;

b) Báo cáo có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản, phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư. Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký

chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ;

c) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

d) Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được đại hội nhà đầu tư chỉ định hoặc của ban đại diện quỹ (nếu có).

6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương III
QUỸ THÀNH VIÊN

Điều 21. Thành lập quỹ thành viên

1. Quỹ thành viên do thành viên đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này góp vốn thành lập trên cơ sở biên bản thỏa thuận góp vốn và điều lệ quỹ.

2. Việc thành lập quỹ thành viên phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn thực góp tối thiểu là năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam;

b) Có tối đa ba mươi (30) thành viên góp vốn và chỉ bao gồm thành viên là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài;

c) Do một công ty quản lý quỹ đáp ứng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này quản lý;

d) Tài sản của quỹ được lưu ký tại một ngân hàng lưu ký độc lập với công ty quản lý quỹ.

3. Hồ sơ báo cáo về việc thành lập quỹ thành viên bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động cho quỹ thành viên do công ty quản lý quỹ lập theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều lệ quỹ, bao gồm các nội dung có liên quan theo mẫu quy định tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản cáo bạch, trong đó tại trang bìa của bản cáo bạch phải nêu rõ nguyên tắc hoạt động của quỹ: "*Quỹ này không phải tuân thủ các quy định pháp luật điều*

chỉnh hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Việc đầu tư vào quỹ này chỉ phù hợp đối với các tổ chức sẵn sàng chấp nhận mức rủi ro cao tiềm tàng từ việc đầu tư của quỹ. Tổ chức đầu tư vào quỹ này cần cân nhắc kỹ trước khi tham gia góp vốn, quyết định đầu tư";

d) Hợp đồng lưu ký tài sản;

đ) Biên bản thỏa thuận góp vốn, danh sách các tổ chức tham gia góp vốn theo mẫu quy định tại phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu sau:

- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của thành viên góp vốn. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá sáu (06) tháng trước ngày hoàn tất hồ sơ đăng ký lập quỹ và phải được dịch công chứng theo quy định của pháp luật liên quan;

- Biên bản họp và quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị, quyết định của hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại điều lệ công ty của tổ chức góp vốn về việc tham gia góp vốn vào quỹ, về việc cử người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền kèm theo hồ sơ cá nhân của người này;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức nước ngoài;

e) Giấy xác nhận của ngân hàng lưu ký về quy mô vốn đã góp.

4. Hồ sơ báo cáo về việc thành lập quỹ thành viên được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

5. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm các thông tin trong hồ sơ phải đầy đủ, chính xác, trung thực. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác, phát sinh thông tin quan trọng, hoặc bỏ sót thông tin quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty.

6. Công ty quản lý quỹ và các tổ chức tham gia góp vốn thành lập quỹ thành viên không được sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để quảng cáo, kêu gọi góp vốn.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản xác nhận công ty quản lý quỹ đã báo cáo về việc thành lập quỹ thành viên.

Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc thành lập quỹ thành viên theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này. Vốn của quỹ thành viên chỉ được giải ngân sau khi có thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 22. Tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của quỹ thành viên tuân thủ các quy định sau:

a) Điều lệ quỹ có quy định việc tăng, giảm vốn điều lệ;

b) Việc tăng, giảm vốn điều lệ quỹ đã được đại hội thành viên quỹ thông qua;

c) Sau khi điều chỉnh vốn, quỹ vẫn đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

d) Trường hợp tăng vốn, công ty quản lý quỹ phải đáp ứng điều kiện bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Trong trường hợp giảm vốn, tài sản phân bổ cho các thành viên có thể là tiền hoặc các tài sản khác theo quyết định của đại hội thành viên quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký có trách nhiệm phân bổ tài sản một cách công bằng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mỗi thành viên. Việc chuyển tên, đăng ký sở hữu tài sản cho các thành viên, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

3. Quỹ thành viên tăng vốn bằng hình thức huy động thêm từ các thành viên hiện hữu, hoặc huy động vốn từ các thành viên mới. Vốn góp thêm có thể bằng tiền hoặc các loại chứng khoán đang niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán. Việc góp vốn bằng chứng khoán phải bảo đảm:

a) Thành viên góp vốn không bị hạn chế chuyển nhượng đối với số tài sản dự kiến đưa vào quỹ; không phải là tài sản bảo đảm đang được cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược, bị phong tỏa hoặc trong các giao dịch tài sản bảo đảm khác theo quy định của pháp luật dân sự;

b) Tài sản đưa vào quỹ phải đáp ứng các quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư của quỹ; không phải là loại tài sản đang có trong danh mục đầu tư của quỹ nhưng sắp thanh lý, thoái vốn; không phải là các loại chứng khoán bị đình chỉ, tạm ngừng giao dịch, hủy bỏ niêm yết hoặc chứng khoán của các tổ chức phát hành đang trong tình trạng thanh lý, giải thể, phá sản;

c) Việc góp vốn bằng tài sản phải được sự chấp thuận của tất cả các thành viên của quỹ, và chỉ được coi là đã hoàn tất sau khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài

sản góp vốn đã chuyển sang quỹ. Việc chuyển quyền sở hữu thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

d) Việc định giá tài sản góp vốn phải phù hợp với quy định của điều lệ quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Giá trị tài sản đưa vào quỹ được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi hoàn tất việc tăng, giảm vốn của quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng, giảm vốn của quỹ như sau:

a) Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ thành viên;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội thành viên về việc tăng, giảm vốn và các tài liệu liên quan;

c) Điều lệ quỹ sửa đổi; hợp đồng lưu ký sửa đổi, bổ sung (nếu có);

d) Biên bản thỏa thuận góp vốn và danh sách các thành viên góp vốn, số vốn góp, tỷ lệ sở hữu vốn góp trước và sau khi tăng, giảm vốn điều lệ theo mẫu quy định tại phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Giấy xác nhận của ngân hàng lưu ký về phần vốn đã góp thêm, danh mục tài sản góp vào quỹ. Trường hợp góp vốn bằng chứng khoán, bổ sung thêm xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về chuyển danh mục chứng khoán của các tổ chức góp vốn vào quỹ, bao gồm số tài khoản lưu ký chứng khoán của từng tổ chức, số lượng và loại (mã) chứng khoán, ngày chuyển quyền sở hữu và hạch toán danh mục vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trường hợp giảm vốn: giấy xác nhận của ngân hàng lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (trường hợp phân bổ tài sản là chứng khoán cho thành viên) về việc phân bổ tài sản cho từng thành viên, trong đó nêu rõ danh mục tài sản đã phân bổ cho thành viên.

5. Hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản xác nhận việc tăng vốn, giảm của quỹ thành viên. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Phần vốn tăng của quỹ thành viên chỉ được giải ngân sau khi có thông báo xác nhận việc tăng vốn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 23. Hợp nhất, sáp nhập quỹ thành viên

1. Quỹ thành viên được hợp nhất, sáp nhập với quỹ thành viên khác theo quyết định của các đại hội thành viên. Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có số thành

viên không vượt quá ba mươi (30) thành viên. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các đại hội thành viên thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ phải nộp bộ hồ sơ thông báo về việc hợp nhất, sáp nhập quỹ thành viên bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy thông báo về việc hợp nhất, sáp nhập quỹ thành viên;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất, sáp nhập, kèm theo phương án hợp nhất, sáp nhập trong đó nêu rõ nguyên tắc, phương pháp xác định công nợ, tài sản và giá trị tài sản ròng tại ngày hợp nhất, sáp nhập;

c) Chi tiết về danh mục đầu tư, tổng giá trị tài sản, tổng giá trị công nợ và giá trị tài sản ròng tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có);

d) Giá trị khoản vay hoàn trả theo yêu cầu chủ nợ (nếu có);

đ) Trong trường hợp hợp nhất quỹ, tài liệu bổ sung bao gồm điều lệ quỹ hợp nhất, hợp đồng lưu ký tài sản của quỹ hợp nhất.

3. Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản xác nhận việc hợp nhất, sáp nhập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập quỹ, quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa quyền, nghĩa vụ của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

6. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận việc hợp nhất, sáp nhập quỹ, công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 24. Gia hạn thời gian hoạt động, giải thể quỹ thành viên

1. Việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ thành viên thực hiện theo quyết định của đại hội thành viên, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

2. Trong thời hạn ít nhất mười lăm (15) ngày, trước khi quỹ kết thúc thời hạn hoạt động, công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia

hạn thời gian hoạt động của quỹ thành viên. Hồ sơ báo cáo về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này;

b) Danh sách thành viên của quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này và tài liệu về các thành viên mới (nếu có) theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Thông tư này.

3. Hồ sơ, trình tự thủ tục gia hạn thời gian hoạt động của quỹ thành viên thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Thông tư này.

4. Việc giải thể quỹ thành viên được công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, đại hội thành viên thực hiện theo quy định có liên quan tại Điều 19 Thông tư này. Việc thanh lý, phân phối tài sản, cung cấp thông tin về hoạt động thanh lý tài sản cho nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể đã được đại hội thành viên thông qua. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thông báo việc giải thể, báo cáo về tiến trình thanh lý tài sản để giải thể quỹ và hồ sơ báo cáo việc hoàn tất giải thể quỹ thành viên thực hiện theo quy định có liên quan tại Điều 20 Thông tư này, kèm theo văn bản của ngân hàng lưu ký và công ty quản lý quỹ nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng thành viên và ý kiến xác nhận của các thành viên về việc đã nhận đủ tiền, tài sản theo phương án giải thể đã được đại hội thành viên thông qua.

Điều 25. Hoạt động đầu tư của quỹ thành viên

1. Quỹ thành viên được đầu tư vào các loại tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Thông tư này. Quỹ thành viên được tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và được đại hội thành viên chấp thuận bằng văn bản, quỹ thành viên được đầu tư vào các loại bất động sản đáp ứng điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản.

2. Trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định khác, quỹ thành viên không phải tuân thủ các quy định liên quan tại điểm a, b, c, d khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 9 Thông tư này.

3. Trong hoạt động quản lý quỹ thành viên, công ty quản lý quỹ bảo đảm:

a) Không đầu tư vào chính quỹ đó và vào các quỹ đầu tư chứng khoán khác, kể cả công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản;

b) Không được sử dụng vốn, tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho khoản vay của bất cứ bên thứ ba nào; không được bảo lãnh phát hành chứng khoán;

c) Trường hợp điều lệ quỹ có quy định, quỹ được vay thế chấp, thấu chi hoặc các hình thức khác từ ngân hàng lưu ký, vay mua chứng khoán (giao dịch ký quỹ) theo nguyên tắc sau:

- Việc vay tài sản phải phù hợp với quy định của pháp luật;

- Hạn mức vay do đại hội thành viên quyết định, nhưng phải bảo đảm tổng nợ và các khoản phải trả của quỹ không vượt quá 30% tổng tài sản của quỹ tại mọi thời điểm;

- Bộ phận tín dụng của ngân hàng lưu ký phải tách biệt hoàn toàn về cơ cấu tổ chức và hoạt động đối với bộ phận lưu ký tài sản của quỹ; hoạt động tín dụng là độc lập với hoạt động lưu ký và không thuộc phạm vi điều chỉnh của hợp đồng lưu ký;

- Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin về quyền lợi của ngân hàng lưu ký và khả năng xung đột lợi ích cho đại hội thành viên xem xét, quyết định;

d) Phí quản lý quỹ, phí thưởng (nếu có) trả cho công ty quản lý quỹ, phí trả cho ngân hàng lưu ký và các phí dịch vụ khác phải được quy định chi tiết tại điều lệ quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lập và lưu trữ sổ đăng ký thành viên góp vốn và mọi thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên. Ngân hàng lưu ký có thể cung cấp dịch vụ lập và lưu trữ sổ đăng ký thành viên góp vốn trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ ký với công ty quản lý quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ xác định, hoặc ủy quyền cho ngân hàng lưu ký định kỳ hàng tháng xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thành viên và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trường hợp ủy quyền cho ngân hàng lưu ký xác định giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

6. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này. Danh sách các tổ chức báo giá, sổ tay định giá phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.

7. Việc phân phối lợi tức của quỹ thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 26. Quy định về thành viên, ban đại diện của quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên tham gia vào quỹ đại hội thành viên thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định có liên quan tại Điều 12, 13 và 14 Thông tư này. Trường hợp điều lệ quỹ không yêu cầu, cơ cấu ban đại diện quỹ thành viên không phải tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 15

Thông tư này. Các quy định khác về thành viên ban đại diện quỹ và ban đại diện quỹ thực hiện theo Điều 15 Thông tư này.

2. Thành viên góp vốn được tự do chuyển nhượng phần vốn góp tại quỹ. Việc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ phần vốn góp tại quỹ phải bảo đảm:

a) Bên nhận chuyển nhượng đáp ứng được các quy định liên quan tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Sau khi chuyển nhượng, quỹ vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên của quỹ như sau:

a) Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên, trong đó nêu rõ thông tin về các bên giao dịch, số lượng chứng chỉ quỹ và tỷ lệ sở hữu của các bên (trước và sau khi giao dịch); giá trị giao dịch;

b) Hợp đồng chuyển nhượng giữa các thành viên của quỹ có xác nhận của công ty quản lý quỹ.

Chương V
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Điều 27. Các quy định chung về ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

3. Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát trực tiếp làm nhiệm vụ bảo quản tài sản quỹ và giám sát hoạt động quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ (sau đây gọi tắt là nhân viên nghiệp vụ) không được là người có liên quan hoặc tham gia điều hành, quản trị công ty quản lý quỹ hoặc có quan hệ sở hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát và ngược lại.

4. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ không được là các đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ, trừ trường hợp các giao dịch ngoại hối phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, hoặc các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Nếu phát sinh các trường hợp khiến cho ngân hàng không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh, ngân hàng phải thông báo cho công ty quản lý quỹ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Để giám sát hoạt động của quỹ, ngân hàng giám sát phải có tối thiểu hai (02) nhân viên có các chứng chỉ sau:

a) Chứng chỉ về pháp luật chứng khoán;

b) Chứng chỉ cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; hoặc đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đã thi đạt chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư chứng khoán CFA từ bậc 1 trở lên (Chartered Financial Analyst level 1), CIIA (Certified International Investment Analyst) từ bậc 1 trở lên; hoặc chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán cấp tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD);

c) Chứng chỉ kế toán, hoặc chứng chỉ kế toán trưởng, hoặc kiểm toán, hoặc đã có các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants).

7. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hợp đồng giám sát có hiệu lực, ngân hàng giám sát có nghĩa vụ báo cáo và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

a) Hợp đồng giám sát;

b) Bản cung cấp thông tin kèm theo bản sao hợp lệ các chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại khoản 6 Điều này của nhân viên nghiệp vụ được ngân hàng giám sát chỉ định giám sát bảo quản tài sản quỹ;

c) Cam kết của ngân hàng giám sát và các nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng giám sát về việc đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

8. Hồ sơ báo cáo của ngân hàng giám sát quy định tại khoản 7 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

9. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 7 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ báo cáo của ngân hàng giám sát và nhân viên nghiệp vụ được ngân hàng giám sát chỉ định giám sát hoạt động của quỹ.

Điều 28. Hoạt động của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính ở nước ngoài có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản ở nước ngoài của quỹ được đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động ủy quyền lưu ký phải tuân thủ các quy định sau:

a) Tổ chức lưu ký phụ phải là thành viên lưu ký theo quy định của pháp luật nước ngoài;

b) Hoạt động ủy quyền lưu ký phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Hợp đồng phải quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Tổ chức lưu ký phụ chỉ thực hiện theo lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

c) Tài sản lưu ký phải được xác định rõ là tài sản của quỹ mà ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ;

d) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức lưu ký phụ cũng như chịu mọi chi phí phát sinh liên quan tới việc ủy quyền thực hiện các hoạt động giám sát, lưu ký tài sản của quỹ;

đ) Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên, theo quy định của nước sở tại. Tài sản của quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ đăng ký quyền sở hữu thuộc về quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;

e) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải có đầy đủ thông tin về tất cả mọi tài sản thuộc sở hữu của quỹ, bao gồm loại, khối lượng, nơi lưu ký, lưu kho tài sản và các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của quỹ. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo đảm tài sản của quỹ phải được đăng ký sở hữu thuộc về quỹ, lưu ký để luôn có thể nhận diện, xác nhận là tài sản thuộc sở hữu của quỹ.

2. Trách nhiệm của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát trong hoạt động lưu ký tài sản của quỹ:

a) Yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký tài sản của quỹ dưới tên của quỹ trong thời gian sớm nhất theo các điều khoản hợp đồng kinh tế giữa quỹ (thông qua công ty quản lý quỹ) và đối tác và theo các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm toàn bộ tài sản của quỹ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam phải được đăng ký sở hữu thuộc quỹ và lưu ký đầy đủ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu, thì đăng ký, ghi nhận dưới tên chủ sở hữu là quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản phải được lưu ký và gửi kho quỹ đầy đủ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp tài sản là bất động sản, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải bảo đảm có đầy đủ tài liệu

pháp lý về quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho quỹ chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ được lập theo quy định có liên quan tại khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 33 Thông tư này, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho ban đại diện quỹ.

- Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, thì ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

- Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu công ty quản lý quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của quỹ. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ;

b) Quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ; tách biệt tài sản của các quỹ với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Mỗi quỹ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ;

c) Công ty quản lý quỹ là đại diện được ủy quyền thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ. Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

d) Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù

hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, kể cả các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với quỹ;

e) Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng;

g) Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội thành viên của quỹ, các cuộc họp ban đại diện quỹ, nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Tài sản của quỹ dưới dạng vật chất hoặc phi vật chất, đăng ký sở hữu dưới tên của quỹ hoặc không dưới tên quỹ (trong trường hợp tài sản không đăng ký sở hữu theo quy định của pháp luật), được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ (nếu có), là tài sản thuộc sở hữu của quỹ, không phải là tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát không được sử dụng tài sản của quỹ để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba, kể cả cho công ty quản lý quỹ.

4. Các giao dịch cho quỹ trên tài khoản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác, phải được xác định rõ là thuộc về quỹ. Trường hợp giao dịch trên tài khoản hoặc đứng danh của tổ chức lưu ký phụ theo pháp luật có liên quan, các giao dịch này và tài sản trong giao dịch phải được xác định rõ là thuộc về quỹ, thông qua ngân hàng giám sát.

5. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát phải có hệ thống kỹ thuật phù hợp để tự động tiếp nhận, theo dõi, thực hiện và hạch toán các giao dịch liên quan tới tài sản trên tài khoản của quỹ, ngoại trừ trường hợp có những chỉ thị cụ thể khác bằng văn bản của công ty quản lý quỹ. Hệ thống này phải đảm bảo đáp ứng các nội dung cơ bản sau:

a) Có sổ sách kế toán để ghi nhận toàn bộ, đầy đủ tài sản của các quỹ. Mọi thay đổi liên quan tới tài sản cũng phải được phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời;

b) Thu, chi, hạch toán cổ tức, lãi trái phiếu, lãi vốn và các khoản thu nhập;

c) Hạch toán chứng khoán, chứng chỉ quỹ trong các giao dịch mua lại, phát hành thêm hoặc chuyển đổi;

d) Thực hiện các bút toán, thanh toán các khoản chi;

đ) Nhận và thực hiện các bút toán ghi sổ vào tài khoản chứng khoán từ các đợt phát hành thêm, tái cơ cấu tổ chức phát hành và các hoạt động điều chỉnh khác có liên quan.

6. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ đã lưu ký và gửi kho quỹ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của ngân hàng, hoặc do sự cẩu thả, không cẩn thận của ngân hàng.

7. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ trong trường hợp tổ chức lưu ký phụ làm thất thoát tài sản của quỹ, trừ trường hợp:

a) Thuộc các trường hợp bất khả kháng, nằm ngoài sự kiểm soát của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, mà đã được quy định rõ về việc miễn trừ trách nhiệm đối với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát theo các điều khoản liên quan tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

b) Tổ chức lưu ký phụ có trách nhiệm bồi thường cho quỹ và hợp đồng lưu ký phụ có điều khoản cho phép công ty quản lý quỹ thay mặt cho quỹ yêu cầu tổ chức lưu ký phụ phải bồi thường theo hợp đồng;

c) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thẩm định và các hoạt động liên quan tới việc ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.

8. Trường hợp ngân hàng lưu ký cung cấp dịch vụ giám sát cho quỹ thành viên, thì ngân hàng lưu ký chỉ thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho thành viên góp vốn theo quy định tại hợp đồng giám sát, không cần thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các hoạt động giám sát quy định tại Điều 29 Thông tư này.

Điều 29. Hoạt động giám sát quỹ đóng của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ đóng mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát.

2. Trách nhiệm của ngân hàng giám sát trong hoạt động giám sát đầu tư của công ty quản lý quỹ đối với tài sản của quỹ đóng:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về

hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại điều lệ quỹ;

đ) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn luật chứng khoán và tại điều lệ quỹ;

e) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ quy định pháp luật của công ty quản lý quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ.

5. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết và nếu có liên quan để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

6. Ngân hàng giám sát được cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ cho công ty quản lý quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng tại ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng, đối với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các

bộ phận kinh doanh khác của ngân hàng giám sát. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng phải có nhân viên có bằng kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA, CPA, CA, ACA.

7. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ trong thời gian quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 9 Thông tư này, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

8. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Thông tư này và các quy định khác có liên quan, ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát, hoặc liên đới cùng với công ty quản lý quỹ (tùy thuộc vào nội dung hợp đồng giám sát) có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 30. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát đối với quỹ

1. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

a) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư hoặc đại hội thành viên của quỹ.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định tại Điều 31 Thông tư này. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế.

3. Trường hợp ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

Điều 31. Thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát

1. Trường hợp thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thay thế kèm theo các tài liệu sau:

a) Giấy đề nghị thay thế ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký do công ty quản lý quỹ và ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cùng ký; trong đó nêu rõ lý do thay thế; kèm theo bản cam kết của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát về việc bàn giao đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản của quỹ cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thay thế;

b) Biên bản họp và quyết định của đại hội nhà đầu tư, đại hội thành viên về việc thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, trong đó nêu rõ ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát dự kiến thay thế; phê duyệt phương án chuyển đổi tài sản từ ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cũ sang ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thay thế;

c) Hợp đồng nguyên tắc lưu ký, hợp đồng nguyên tắc giám sát ký với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát thay thế;

d) Điều lệ quỹ sửa đổi;

đ) Phương án bàn giao quyền, trách nhiệm giữa các ngân hàng, kể cả trong thời gian hai ngân hàng đang thực hiện việc chuyển giao và cách thức xử lý các vấn đề về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh nội dung về việc thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký tại giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc thông báo về việc báo cáo thành lập quỹ thành viên.

Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế. ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có xác nhận của công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc thay thế ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin về việc thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát đối với quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

Chương VI
NGHĨA VỤ BÁO CÁO

Điều 32. Thông tin cho nhà đầu tư và nghĩa vụ báo cáo về hoạt động của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ định kỳ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo sau:

a) Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đóng theo mẫu quy định tại phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo về hoạt động đầu tư (bao gồm cả thông tin tài sản) của quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.

2. Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư hoặc các hình thức khác quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch.

3. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của quỹ.

4. Thời hạn nộp các báo cáo:

a) Đối với báo cáo tháng, trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng;

b) Đối với báo cáo quý, trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Đối với báo cáo bán niên, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý II;

d) Đối với báo cáo năm, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ báo cáo về hoạt động của quỹ.

6. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Các báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử.

8. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, cập nhật bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi kèm điều lệ quỹ, bản cáo bạch, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này và cung cấp cho nhà đầu tư theo yêu cầu.

Điều 33. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký

1. Ngân hàng giám sát phải lập và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát tháng, quý, năm về hoạt động quản lý tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo giám sát của ngân hàng giám sát phải đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ như sau:

a) Đánh giá tính tuân thủ của công ty quản lý quỹ trong hoạt động đầu tư, giao dịch của các quỹ;

b) Đánh giá việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, trong đó nêu chi tiết những trường hợp định giá sai tài sản của quỹ (nếu có);

c) Việc phát hành chứng chỉ quỹ, huy động vốn của quỹ;

d) Các vi phạm (nếu có) của công ty quản lý quỹ và kiến nghị hướng giải quyết, khắc phục.

2. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi vi phạm được phát hiện trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Thiệt hại từ hoạt động quản lý tài sản do công ty quản lý quỹ gây ra là quá lớn và chi phí giải quyết hậu quả là quá cao;

c) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013 và thay thế Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quỹ đóng, quỹ thành viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 1
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

I. Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ: *(tên công ty)*
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:..... Fax:...

Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ với các nội dung sau:

1. Thông tin về quỹ đầu tư
   - Tên của quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có))
   - Loại hình quỹ (*quỹ đóng, quỹ mở*):
   - Mục tiêu đầu tư của quỹ:
   .....
   - Chiến lược đầu tư của quỹ:
   .....
2. Thời hạn hoạt động của quỹ đầu tư (nếu có):
3. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán:
4. Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):
5. Giá chào bán dự kiến:
6. Tổng vốn huy động dự kiến:
7. Thời gian dự kiến chào bán:
8. Thời gian đăng ký mua chứng chỉ quỹ dự kiến: từ ngày.... đến ngày.....
9. Phương thức phân phối:

II. Thông tin về các bên liên quan: (*ngân hàng giám sát, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)...*)

1. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có):

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Đại lý phân phối:

- Tên công ty chứng khoán (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh (nếu có)):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

Chúng tôi đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là chính xác, đầy đủ và đúng sự thật, không có thông tin giả mạo hoặc chưa đầy đủ có thể làm cho người mua chứng chỉ quỹ chịu thiệt hại.

Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu và nghiêm chỉnh tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Không công bố thông tin dưới mọi hình thức về việc chào bán chứng chỉ quỹ trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 2

MẪU GIẤY THÔNG BÁO CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

THÔNG BÁO CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

... ngày..... tháng .....năm.....

1. Công ty quản lý quỹ:

- Tên công ty (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: .... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: .... Fax:...

2. Ngân hàng giám sát:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Chứng chỉ quỹ chào bán

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán

- Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu (nếu có):

- Mệnh giá:

- Giá chào bán:

- Số lượng/giá trị đăng ký mua tối thiểu (nếu có):

4. Hiệu lực đăng ký chào bán (90 ngày, kể từ ngày chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực):

Từ ngày.../...../..... tới ngày...../...../.....

5. Thời hạn nhận đăng ký mua/thanh toán: từ ngày..../...../.... tới ngày..../..../.....

(*tối thiểu 20 ngày và trong thời hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành có hiệu lực*)

6. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng chỉ quỹ (địa điểm phân phối):

7. Ngân hàng giám sát mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng chỉ quỹ

8. Hình thức thanh toán:

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 3
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....,ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Chúng tôi là:

- Tên công ty (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ với các nội dung sau:

1. Tên quỹ đầu tư (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

2. Ngân hàng giám sát:

3. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng (nếu có) số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

4. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):

5. Số lượng chứng chỉ quỹ:

6. Vốn điều lệ của quỹ:

7. Mệnh giá chứng chỉ quỹ:

Trường hợp là giấy đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, thì bổ sung:

8. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày;

9. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (trước khi điều chỉnh):

10. Vốn điều lệ của quỹ (trước khi điều chỉnh):

11. Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm:

12. Giá phát hành của một đơn vị chứng chỉ quỹ:

13. Vốn huy động thêm:

14. Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành (sau khi điều chỉnh)

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung giấy đề nghị và hồ sơ đăng ký thành lập quỹ/đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo	**Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ**
(Liệt kê đầy đủ)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 4

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

1. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;

c) Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời.

d) Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);

đ) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);

e) Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;

g) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

h) Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;

i) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;

k) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

2. Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. Việc kiểm tra, giám sát

thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;

b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với công ty quản lý quỹ có hiệu lực;

c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi ngân hàng giám sát biết hoặc có cơ sở cho rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

d) Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác

a) Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;

b) Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

A. Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
6	Trái phiếu không niêm yết	- Giá niêm yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Chứng khoán phái sinh		
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuteurs/ Bloomberg/ VNBF…) để tham khảo;

- Tại phần này của phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

3. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

Phụ lục số 5
MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

A. Phương án hợp nhất, sáp nhập phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ.

2. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này.

3. Danh sách và bản cung cấp thông tin của thành viên ban đại diện quỹ/người điều hành quỹ.

4. Tóm tắt tình hình hoạt động của các quỹ; cơ cấu danh mục đầu tư; nguồn vốn và tài sản trước khi hợp nhất, sáp nhập; vốn điều lệ; số lượng chứng chỉ quỹ.

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.

2. Thời gian dự kiến tổ chức họp đại hội nhà đầu tư các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập.

3. Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.

4. Chi phí hợp nhất, sáp nhập.

5. Phương pháp kế toán hợp nhất, sáp nhập; thời điểm mà các hoạt động đầu tư bắt đầu được hạch toán tại sổ kế toán của quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập.

6. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của từng quỹ và sự khác biệt (nếu có); phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi.

B. Báo cáo phân tích việc hợp nhất, sáp nhập

(Báo cáo phải được viết ngắn gọn, xúc tích, thể hiện bằng ngôn ngữ dễ hiểu, ít sử dụng các thuật ngữ chuyên môn. Nội dung của báo cáo thay đổi tùy thuộc vào đối tượng là nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập hoặc quỹ nhận sáp nhập)

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.

2. Các ảnh hưởng dự kiến có thể xảy ra do hợp nhất, sáp nhập.

a) Thay đổi về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, mức độ pha loãng hiệu quả hoạt động đầu tư và rủi ro tiềm ẩn;

b) Chi phí phát sinh, tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán (công ty quản lý quỹ);

c) Thay đổi liên quan tới chính sách về thuế, lệ phí, các loại phí; so sánh các mức thuế, phí, lệ phí trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập, kèm theo giải trình;

d) Các thay đổi làm ảnh hưởng tới quyền lợi khác của nhà đầu tư; so sánh quyền của nhà đầu tư trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập.

3. Quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư (của quỹ bị sáp nhập) liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập:

a) Quyền được tiếp cận mọi thông tin liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập;

b) Quyền được nhận các tài liệu của các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập, quỹ nhận sáp nhập bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

c) Quyền được nhận báo cáo thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập do ngân hàng giám sát xây dựng;

d) Thông tin về các khoản lợi nhuận tích lũy của quỹ và việc sử dụng các khoản này;

đ) Trường hợp việc hợp nhất, sáp nhập kèm theo việc thanh toán tiền cho nhà đầu tư, báo cáo phải bổ sung các thông tin về tỷ lệ tiền thanh toán hoặc mức tiền dự kiến chi trả trên một chứng chỉ quỹ; đối tượng nhận thanh toán; hình thức và thời hạn thanh toán; nguồn vốn thanh toán.

4. Lộ trình chi tiết của quá trình hợp nhất, sáp nhập:

a) Thời điểm tổ chức họp đại hội nhà đầu tư hoặc thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản từ nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập; hình thức cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về kết quả biểu quyết;

b) Thời điểm dự kiến hủy niêm yết tự nguyện; thời điểm dự kiến niêm yết lại chứng chỉ quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập;

c) Thời điểm, thời hạn thanh toán cho chủ nợ theo yêu cầu;

d) Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.

Phụ lục số 6

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ.

2. Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này.

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập.

2. Các ảnh hưởng do hợp nhất, sáp nhập quỹ dự kiến có thể xảy ra đối với nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập và quỹ nhận sáp nhập.

3. Phương pháp và nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng để thực hiện chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

4. Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến.

5. Thời hạn, thủ tục, điều kiện, quy trình tổ chức thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ, chuyển giao tài sản từ các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập cho quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.

6. Trường hợp hợp nhất, hợp đồng hợp nhất bao gồm các điều khoản về việc thành lập quỹ hợp nhất.

Phụ lục số 7

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP QUỸ DO HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LẬP QUỸ DO HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Chúng tôi là: (*tên các quỹ tham gia việc hợp nhất/sáp nhập*)

Đề nghị UBCKNN điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số..... do UBCKNN cấp ngày..... tháng..... năm..... với lý do

Sáp nhập ☐ Hợp nhất ☐

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất/sáp nhập

1. Tên quỹ (tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh):……

2. Vốn điều lệ:……

3. Số lượng chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):…….

4. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):……

5. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):….

6. Tỷ lệ chuyển đổi (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập)

7. Thông tin về công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

8. Thông tin về ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

9. Vai trò của quỹ: (nhận sáp nhập/bị sáp nhập/hợp nhất)

II. Quỹ hình thành từ việc sáp nhập/hợp nhất

1. Tên quỹ:……

2. Vốn điều lệ: ……

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):……

4. Số lượng chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):……

5. Giá trị tài sản ròng của quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):…

6. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại ngày đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập):….

7. Công ty quản lý quỹ:……..

8. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký:…….

Đề nghị UBCKNN điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ với nội dung nêu trên.

……., ngày……. tháng…… năm…….

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 8
MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ TRƯỚC VÀ SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ TRƯỚC VÀ SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

1. Tên công ty quản lý quỹ:
2. Tên ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký:
3. Tên các quỹ bị hợp nhất, sáp nhập
4. Ngày lập báo cáo:

Đơn vị tính:.... VND

STT	CHỈ TIÊU	Trước khi hợp nhất, sáp nhập			Sau khi hợp nhất, sáp nhập	Chênh lệch
		Quỹ ...	Quỹ...	Quỹ....	Quỹ ...	
		(1)	(2)	(3)	(n)	(n+1) = (n)-(1)-(2)-(3)-...
TÀI SẢN						
1	Tiền và các khoản tương đương tiền					
1.1	Tiền					
1.2	Tiền gửi ngân hàng					
1.3	Các khoản tương đương tiền					
2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
3	Cổ tức được nhận					
4	Lãi được nhận					
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
6	Các khoản phải thu khác					
7	Các tài sản khác					

STT	CHỈ TIÊU	Trước khi hợp nhất, sáp nhập			Sau khi hợp nhất, sáp nhập	Chênh lệch
		Quỹ ...	Quỹ...	Quỹ....	Quỹ ...	
		(1)	(2)	(3)	(n)	(n+1) = (n)-(1)-(2)-(3)-...
A	Tổng tài sản					
NỢ						
1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
2	Các khoản phải trả khác					
B	Tổng nợ					
Tài sản ròng của quỹ (A - B)						
C	Tổng số chứng chỉ quỹ					
D	NAV/chứng chỉ quỹ					

Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Giám đốc (Tổng giám đốc)
Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 9

MẪU THÔNG BÁO VIỆC GIA HẠN/GIẢI THỂ QUỸ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO VIỆC GIA HẠN/GIẢI THỂ QUỸ

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

2. Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Ngày lập thông báo:

Công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký xin thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn/giải thể quỹ như sau:

(i) Trường hợp gia hạn thời gian hoạt động của quỹ

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):……..

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....:

- Vốn điều lệ:

- Thời hạn hoạt động trước khi gia hạn:

- Gia hạn thời gian hoạt động đến: ...../...../.....

- Lý do gia hạn:

(ii) Trường hợp giải thể quỹ

- Tên quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):……..….

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....: Vốn điều lệ:

- Thời hạn hoạt động:

- Lý do giải thể:

- Ngày dự kiến hủy niêm yết:

- Hình thức thanh lý và phân phối tài sản:

- Thời hạn thanh lý tài sản quỹ:

Thời hạn thanh lý tài sản không được vượt quá……. tháng, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định giải thể.

Hồ sơ kèm theo *(Liệt kê đầy đủ)*	**Đại diện có thẩm quyền** **ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI THỂ QUỸ
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ VIỆC GIẢI THỂ QUỸ

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Thực hiện phương án giải thể quỹ đã được đại hội nhà đầu tư thông qua ngày .../..../..... Công ty quản lý quỹ/ngân hàng giám sát báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ như sau:

1. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty quản lý quỹ (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

2. Ngân hàng giám sát/ngân hàng lưu ký:

- Tên ngân hàng (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do NHNN cấp ngày.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:...

3. Ngày lập thông báo:

A. Thông tin về quỹ bị giải thể:

- Tên quỹ bị giải thể (*tên đầy đủ, tên viết tắt, tên tiếng Anh*):……

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ số:

- Vốn điều lệ:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):

- Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm ra đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (tính tại thời điểm đại hội nhà đầu tư của quỹ thông qua quyết định giải thể):

- Thời hạn hoạt động của quỹ:

- Lý do giải thể:

- Ngày thực hiện giải thể:

B. Báo cáo việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc thanh lý tài sản, giải thể quỹ

C. Báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản của quỹ

- Tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính, thuế đối với Nhà nước;

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với các chủ nợ (đính kèm danh sách);

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ nợ và tài sản đối với những người có quyền lợi liên quan tới quỹ (đính kèm danh sách);

- Tổng nợ phải thanh toán;

- Phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư.

D. Báo cáo về việc thanh lý tài sản quỹ:

- Phương thức thanh lý;

- Hoạt động thanh lý tài sản, chi phí thanh lý, ngày hoàn tất việc thanh lý tài sản;

- Tổng giá trị tài sản thu được sau thanh lý;

- Giá trị thanh lý trên 1 chứng chỉ quỹ phải trả cho nhà đầu tư;

- Các thông tin khác có liên quan.

E. Cam kết sau khi hoàn tất các thủ tục giải thể:

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực về nội dung báo cáo và các tài liệu đính kèm;

- Cam kết thực hiện thủ tục giải thể đúng theo quy định pháp luật hiện hành;

- Cung cấp văn bản pháp luật và các tài liệu có liên quan đến việc giải thể theo yêu cầu.

Nay chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả của việc thực hiện quyết định giải thể và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hệ quả phát sinh bất kỳ liên quan đến việc giải thể của quỹ... trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày ký báo cáo này.

Hồ sơ kèm theo *(Liệt kê đầy đủ)*	**Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Đại diện có thẩm quyền ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập *(Nếu có)*	**Xác nhận của ban đại diện** *(Nếu có)*	**Xác nhận của từng nhà đầu tư** *(Đối với quỹ thành viên)*

Phụ lục số 11
MẪU ĐIỀU LỆ QUỸ
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

ĐIỀU LỆ QUỸ

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán
2. Nghị định ...
3. Thông tư ....

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ đầu tư…."	Là quỹ đầu tư thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng
"Công ty quản lý quỹ..... "	(Sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ...), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số..... thực hiện các ngành nghề kinh doanh như..... công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại ....Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát...."	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng....) là ngân hàng thành lập theo giấy phép số.... cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật Các tổ chức tín dụng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số... bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ... đồng thời giám sát hoạt động của quỹ. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại điều... của Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán....."	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của quỹ..., thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của quỹ....
"Điều lệ quỹ..."	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)

"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của quỹ
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của quỹ...
" Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ...
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến quỹ đầu tư..... Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của quỹ đầu tư....
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của quỹ đầu tư...., công ty quản lý quỹ .... và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ quỹ"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ
"Chứng chỉ quỹ đầu tư ...."	Là loại chứng khoán do công ty quản lý quỹ... đại diện cho quỹ đầu tư ... phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của quỹ đầu tư ... theo tỷ lệ tương ứng với số chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của quỹ đầu tư....
"Giá bán"	Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành đã quy định tại điều lệ quỹ đầu tư….
"Phí quản lý quỹ"	Là phí phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại điều lệ quỹ đầu tư.....
"Phí thưởng"	Là phí mà quỹ đầu tư..... phải trả cho công ty quản lý quỹ đóng, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ....

"Phí phát hành"	Là phí mà quỹ đầu tư... phải trả cho công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ quỹ… và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là...% mệnh giá chứng chỉ quỹ…
"Lợi tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
"Ngày đóng quỹ"	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho quỹ đầu tư... theo quy định của pháp luật hiện hành.
"Năm tài chính"	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày… tháng….. đến hết ngày….. tháng……. năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của quỹ đầu tư... sẽ được tính từ ngày quỹ đầu tư được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày..... tháng..... năm.....
"Giá trị tài sản ròng của quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do quỹ... sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của quỹ đầu tư... tại thời điểm định giá
"Ngày định giá"	Là ngày làm việc cuối cùng mà công ty quản lý quỹ… xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ… *(Việc định giá được thực hiện định kỳ ít nhất một tuần 01 lần đối với quỹ đóng theo quy định của Điều lệ quỹ*)
"Người có liên quan"	Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan....

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Giới thiệu tên và địa chỉ

Tên quỹ bằng tiếng Việt:

Tên quỹ bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt :

Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của quỹ

Điều 3.Nguyên tắc tổ chức

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ…. chào bán

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Tên công ty:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: Nơi cấp: Ngày cấp:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Tên ngân hàng:
- Giấy phép thành lập số: Nơi cấp: Ngày cấp:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

2. Cơ cấu danh mục đầu tư

3. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể bao gồm:

4. Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;

c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;

đ) Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;

e) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Vốn và tài sản của quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 9 Điều lệ này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 9 Điều lệ này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;

d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;

đ) Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);

e) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

g) Trường hợp quỹ đăng ký là nhà đầu tư nước ngoài, quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Công ty quản lý quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;

c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;

đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.

4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu
5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ khác

Chương III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của quỹ…. có thể là pháp nhân hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là…. chứng chỉ quỹ……. trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.

3. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

b) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ quỹ có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào ban đại diện quỹ;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

d) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán; tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.

3. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc nơi khác và phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tất cả các nhà đầu tư biết.

Điều 15. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng chứng chỉ quỹ thông qua giao dịch trên các Sở giao dịch chứng khoán sau khi quỹ được niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành và theo điều lệ quỹ.

Điều 16. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ … chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 17. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Chương IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 18. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;

b) Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành hoặc một tỷ lệ khác theo quy định tại điều lệ quỹ; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Điều 19. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

2. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn

ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư.

Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy trình nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo triệu tập cuộc họp đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự đại hội nhà đầu tư;

b) Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;

c) Lập và thông qua biên bản đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của đại hội nhà đầu tư.

2. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

5. Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 18 Thông tư này, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại điều lệ quỹ, phù hợp với các nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp đại hội nhà đầu tư.

6. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

8. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Chương V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 21. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có từ.... đến..... thành viên, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ.

(Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại điều lệ quỹ (nếu có).

3. Trong ban đại diện quỹ phải có:

a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật

4. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều lệ quỹ. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

5. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên ban đại diện quỹ.

(Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ

1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ.

(Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị)

2. Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ

a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;

c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;

g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

i) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

3. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên ban đại diện quỹ:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Là người đại diện phần vốn góp của nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Điều lệ này.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ

1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và tại điều lệ quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 25. Chủ tịch ban đại diện quỹ

1. Đại hội người đầu tư bầu chủ tịch ban đại diện quỹ trong số thành viên ban đại diện. Chủ tịch ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của ban đại diện quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp ban đại diện quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ban đại diện quỹ;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác.

Điều 26. Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên ban đại diện quỹ được chủ tịch ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch ban đại

diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 27. Cuộc họp ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu.... tháng..... lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước..... ngày.

3. Cuộc họp ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

Điều 28. Biên bản họp ban đại diện quỹ

Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ.

Chương VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền

Điều 31. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ quỹ;

b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư;

c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 70 Luật Chứng khoán;

d) Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;

đ) Quỹ hết thời gian hoạt động;

e) Các trường hợp khác theo điều lệ quỹ.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

a) Ngân hàng lưu ký giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;

c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

Chương VIII
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Điều 37. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày.... tháng..... đến hết ngày..... tháng..... năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày..... tháng..... năm.....

Điều 38. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 39. Báo cáo tài chính

Điều 40. Báo cáo khác

Chương IX
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 41. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định định kỳ… và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 42. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Điều 43. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

Chương X
PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 44. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tăng vốn điều lệ

1. Quỹ có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán phần chứng chỉ quỹ còn dư cho các nhà đầu tư khác.

2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

3. Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ.

Điều 45. Phân chia lợi tức của quỹ

Chương XI
GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 46. Các điều kiện giải thể quỹ

Điều 47. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể

Chương XII
PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Phí phát hành chứng chỉ quỹ đóng

Điều 49. Thu nhập của quỹ

Điều 50. Phí quản lý quỹ

Điều 51. Phí lưu ký và giám sát

1. Phí giám sát:

2. Phí lưu ký:

Điều 52. Chi phí khác (bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên ban đại diện quỹ, phí kiểm toán, phí định giá và các chi phí khác)

Điều 53. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu

Chương XIII
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 54. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ, các khách hàng đầu tư ủy thác của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý;

b) Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, chủ tịch công ty quản lý quỹ, thành viên ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

Chương XIV
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Công bố thông tin

Điều 56. Thay đổi điều lệ

Điều 57. Đăng ký điều lệ

Điều 58. Điều khoản thi hành

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG

Phụ lục 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày....

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với quỹ đầu tư…:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.

3. Đảm bảo quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại điều lệ quỹ.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;

b) Các báo cáo liên quan đến quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của quỹ;

c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;

d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội người đầu tư theo quy định của pháp luật.

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:..... do..... cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:…… do UBCKNN cấp ngày…..

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại điều lệ quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của quỹ.

9. Đảm bảo quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát:.....

Số giấy phép thành lập và hoạt động:..... do..... cấp ngày.....

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký:..... do UBCKNN cấp ngày…..

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.

2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của quỹ.

3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà quỹ góp vốn.

4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch.

Giám đốc (Tổng giám đốc) **Công ty quản lý quỹ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Đại diện có thẩm quyền** **ngân hàng giám sát** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THƯỞNG CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ...

Đối với quỹ đóng, Điều lệ quỹ phải quy định chi tiết về phí thưởng như sau:

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho công ty quản lý quỹ... nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ... do công ty quản lý quỹ... quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ... sẽ nhận được bằng x% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ… và chỉ số căn bản trong năm tài chính, khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ… tăng ít nhất y% so với chỉ số căn bản.

(Chỉ số căn bản sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý quỹ phụ thuộc vào loại quỹ. Đối với quỹ, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường chứng khoán. Đối với quỹ trái phiếu, chỉ số căn bản là chỉ số thị trường trái phiếu hoặc lợi nhuận của một loại trái phiếu có thời gian đáo hạn tương đương phù hợp. Phí thưởng nằm trong danh mục các khoản phải trả sau và được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Việc xác định và thanh toán phí thưởng chỉ thực hiện sau khi đã xem xét và cân đối tất cả các khoản thanh toán khác. Ví dụ: phí thưởng sẽ được trả cho công ty quản lý quỹ khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ tăng hơn 1.5% so với chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam VNI…. và bằng 20% phần tăng trưởng vượt trội này (x =20%, y =1.5%).

Phụ lục số 12
MẪU DANH SÁCH THÀNH VIÊN
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

I. Mẫu danh sách thành viên ban đại diện quỹ

STT	Họ và tên	Số CMTND/ Hộ chiếu	Loại thành viên BĐD quỹ (độc lập/khác)	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)	Tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ	Địa chỉ liên lạc, tel, fax, email	Chữ ký
1							
2							
...							

II. Mẫu danh sách thành viên góp vốn vào quỹ thành viên

STT	Tên tổ chức *(Sắp xếp theo thứ tự về tỷ lệ sở hữu từ cao xuống thấp)*	Thông tin về thành viên góp vốn vào quỹ		Giá trị phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu tại quỹ	Ngày vào sổ đăng ký thành viên (Hoặc ngày điều chỉnh quy mô vốn góp)	Chữ ký
		Số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ trụ sở chính, tel, fax	Mã số giao dịch (Đối với tổ chức nước ngoài, nếu có)				
1	Công ty A Đại diện phần vốn góp của công ty là Ông/bà: Nguyễn văn/thị B Chức vụ						
2							
...							

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 13

MẪU BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên*)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ

1. Tên của quỹ

2. Loại hình quỹ:

3. Ngày đăng ký bản cáo bạch với UBCKNN:

4. Thời hạn hiệu lực của bản cáo bạch:

5. Tiêu đề của bản cáo bạch

6. Thông cáo nội dung sau:

"*Quỹ đầu tư..... được mô tả trong bản cáo bạch này là quỹ đầu tư được thành lập theo Luật Chứng khoán, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày… tháng… năm…*

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin:

8. Nơi cung cấp bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh công ty, Website...);

(*trang bìa)*

QUỸ ĐẦU TƯ:.....

CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:
(*hoặc* TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH)
Công ty:.....
Công ty:.....
TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH *(nếu có):*
Công ty:.....
Công ty:.....

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:.... từ ngày:...

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:..... Số điện thoại:.....

MỤC LỤC

Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá chứng chỉ quỹ chào bán
Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch
Các khái niệm
Tình hình và đặc điểm của quỹ
Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ
Thông tin về ngân hàng giám sát
Mục đích chào bán
Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán
Các đối tác liên quan tới đợt chào bán
Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông/Bà:..... Chức vụ: Chủ tịch

Ông/Bà:..... Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Ông/Bà:..... Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:.....

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do *(tên công ty quản lý quỹ) lập sau khi có xác nhận của (tên Ngân hàng giám sát)*. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do *(tên các tổ chức có liên quan)* cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

Tên đầy đủ:

Tên viết tắt:

Giấy phép thành lập và hoạt động số:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Vốn điều lệ:

Cổ đông/thành viên/chủ sở hữu công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên sáng lập/chủ sở hữu;

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên từ 5% vốn điều lệ;

- Giới thiệu về/hội đồng thành viên/chủ sở hữu (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Ban điều hành công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

- Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên)

Kinh nghiệm quản lý tài sản của công ty quản lý quỹ

Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực của nhân viên công ty quản lý quỹ đảm nhiệm vị trí người điều hành quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

- Tổng hợp tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) năm (05) năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào bản cáo bạch;

- Các quỹ mà công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách, tên quỹ, loại hình quỹ...);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên đầy đủ

Tên viết tắt

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời gian hoạt động (nếu có):

Kinh nghiệm nhân viên được phân công giám sát hoạt động quản lý tài sản của quỹ dự kiến thành lập; bộ phận lưu ký tài sản cho quỹ dự kiến thành lập.

(Đính kèm hợp đồng giám sát giữ công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát)

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Tên công ty:

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Nơi thành lập:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có)

(Đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa công ty quản lý quỹ và công ty kiểm toán)

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm

Tên:

Địa chỉ:

Số giấy chứng nhận làm đại lý phân phối:

Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật)

Tổ chức được ủy quyền:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính;
- Số giấy phép thành lập và hoạt động:
- Thời gian hoạt động:
- Lĩnh vực hoạt động chính
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)
- Chi phí phải thanh toán..... hình thức thanh toán

(Đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức được ủy quyền).

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và quy mô quỹ

1.3. Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ (nếu có);

2. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ

2.1. Mục tiểu đầu tư của quỹ

2.2. Chiến lược đầu tư của quỹ

2.3. Phương pháp và quy trình đầu tư của quỹ

2.4. Hạn chế đầu tư của quỹ

2.5. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro lãi suất;
- Rủi ro lạm phát;
- Rủi ro thiếu tính thanh khoản;
- Rủi ro pháp lý;
- Rủi ro tín nhiệm;
- Rủi ro xung đột lợi ích;
- Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư);
- Rủi ro cá biệt;
- Rủi ro khác.

3. Điều lệ quỹ trong đợt chào bán lần đầu và điều lệ quỹ cập nhật trong các lần công bố bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi)

Tóm tắt điều lệ quỹ với các thông tin chính sau đây:

3.1. Các điều khoản chung

3.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư;
- Chiến lược đầu tư;
- Tài sản được phép đầu tư;
- Cơ cấu đầu tư;
- Các hạn chế đầu tư;
- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ;
- Phương pháp lựa chọn đầu tư;
- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng.

3.3. Đặc trưng của quỹ

- Nhà đầu tư;

- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư;

- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Quyền biểu quyết của nhà đầu tư;

- Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư, trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ.

3.4. Thông tin về các mức phí mà quỹ phải trả

- Phí quản lý;

- Phí giám sát;

- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

- Các loại phí, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại phí, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán;

3.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ;

- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư (Hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc nhà đầu tư tự thanh toán).

3.6. Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường;

- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội nhà đầu tư;

- Thể thức tiến hành đại hội nhà đầu tư;

- Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

3.7. Ban đại diện quỹ

- Tổ chức ban đại diện quỹ (danh sách);

- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ;

- Quyền hạn và nhiệm vụ của ban đại diện quỹ;

- Chủ tịch ban đại diện quỹ;

- Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ;

- Đình chỉ và bãi miễn thành viên ban đại diện quỹ;

- Người đại diện cho thành viên ban đại diện quỹ;

- Biên bản họp ban đại diện quỹ.

3.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ;

- Trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ;
- Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ.

3.9. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.

3.10. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4. Các thông tin đầu tư khác

X. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành chứng chỉ quỹ

- Tên quỹ:
- Loại hình:
- Thời hạn của quỹ:
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư:
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:
- Cơ cấu đầu tư:
- Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán (hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):
- Thời hạn chào bán, gia hạn thời gian chào bán:
- Mệnh giá:
- Giá phát hành:
- Số lượng đăng ký tối thiểu:
- Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu:
- Phí phát hành lần đầu (x%):
- Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư;
- Phương thức và hình thức thanh toán;
- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối;
- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

3.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4. Thông tin hướng dẫn tham đầu tư vào quỹ đầu tư

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

2. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

2.1. Phí phát hành lần đầu.

2.2. Phí quản lý.

2.3. Phí giám sát, phí lưu ký.

2.4. Các loại phí và lệ phí khác (phí kiểm toán, tư vấn thuế, định giá....)

2.5. Các thông tin khác.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

4. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của quỹ cho các nhà đầu tư.

5. Dự báo kết quả hoạt động của quỹ

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế,.v.v... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

6. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH (Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NĐT CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho người đầu tư của quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NĐT

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với công ty quản lý quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến quỹ.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký mua chứng chỉ quỹ
2. Phiếu đăng ký mua
3. Địa chỉ các nơi bản cáo bạch được cung cấp
4. Các phụ lục khác

Các phụ lục khác *(nếu có)*

…. ngày…. tháng… năm….

Đại diện có thẩm quyền ngân hàng giám sát	**Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐTV/ Chủ tịch Công ty quản lý quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)	**Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty quản lý quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục số 14

MẪU BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ...

1. Tên, loại hình quỹ; quy mô vốn; tóm tắt mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, thời hạn hoạt động (nếu có) của quỹ.

2. Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, danh sách đại lý phân phối, các tổ chức được ủy quyền (nếu có) và danh sách thành viên Ban đại diện quỹ (nếu có).

3. Kết quả hoạt động đầu tư của quỹ trước đó (nếu có), kèm theo khuyến cáo về việc kết quả hoạt động đầu tư trước đó chỉ mang tính tham khảo, và việc đầu tư vào Quỹ không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.

4. Phương án phát hành chứng chỉ quỹ, thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ.

5. Các khoản thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán; các khoản thuế, phí, lệ phí mà nhà đầu tư phải thanh toán.

6. Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình, thời điểm phân phối lợi nhuận quỹ.

7. Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ.

8. Chế độ công bố thông tin, hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về quỹ cho nhà đầu tư; địa chỉ, thời gian và hình thức liên lạc để tìm hiểu thêm thông tin về quỹ.

(Xem tiếp Công báo số 211 + 212)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng